

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

LÝ THUYẾT TIẾP NHẬN CỦA HANS ROBERT JAUSS

LƯU HỒNG SƠN*

Là người lập thuyết, đồng thời là đại biểu số một của lý thuyết tiếp nhận trường phái Konstanz, Hans Robert Jauss đã có nhiều cống hiến cho lý luận văn học Đức nói riêng và lý luận văn học hiện đại thế giới thế kỷ XX nói chung. Trong thời kỳ đầu, Jauss tập trung nghiên cứu và chỉ ra sự biến đổi liên tục trong cách hiểu và giải thích của người đọc về tác phẩm theo quá trình lịch sử và tác động xã hội, từ đó đề xuất cách viết lịch sử văn học mới dựa vào lịch sử tiếp nhận của người đọc. Trong thời kỳ thứ hai, Jauss quan tâm đến việc tìm hiểu tính lịch sử của kinh nghiệm thẩm mỹ và quan hệ giữa ba yếu tố: sản xuất - tiếp nhận - giao lưu, đề xuất mô hình nghiên cứu giao lưu văn học, xem lịch sử văn học là quá trình giao lưu.

Từ khóa: Hans Robert Jauss, lý thuyết tiếp nhận Konstanz, người đọc, lịch sử văn học

Nhận bài ngày: 19/8/2018; đưa vào biên tập: 23/8/2018; phản biện: 17/9/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

1. CUỘC ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG HỌC THUẬT CỦA HANS ROBERT JAUSS

Hans Robert Jauss sinh năm 1921 tại Göppingen - Württemberg (Đức), trong gia đình có truyền thống nghề giáo và sùng đạo. Từ năm 1932 đến 1939, Jauss học trung học tại Esslingen và Geislingen; thời chiến tranh, ông từng

tham gia quân đội Đức quốc xã. Năm 1948, Jauss bước vào con đường nghiên cứu triết học, lịch sử và ngữ văn Đức, chịu ảnh hưởng của Heidegger và Gadamer.

Năm 1952, Jauss tìm hiểu về thời gian và ký ức trong các sáng tác của Marcel Proust và đây cũng là đề tài tiến sĩ ông thực hiện tại Đại học Heidelberg (*Zeit und Erinnerung in Marcel Prousts "A la recherche du*

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

temps perdu: ein Beitrag zur Theorie des Romans, công bố năm 1955). Năm 1957, Jauss nghiên cứu văn học viết về động vật thời trung cổ (*Untersuchungen zur mittelalterlichen Tierdichtung*, công bố năm 1959) và giảng dạy văn học Roman ở Heidelberg.

Năm 1959, Jauss giảng dạy tại Đại học Münster; năm 1961 chuyển đến Đại học Gießen. Thời gian 1959-1962 Jauss cùng Erich Köhler chủ biên tuyển tập văn bản văn học trung cổ (*Grundriß der romanischen Literaturen des Mittelalters*). Năm 1963, ông là thành viên chính trong nhóm “Poetik und Hermeneutik” (Thi học và giải thích học), trong đó có Wolfgang Iser ở Đại học Würzburg, Hans Blumenberg và Clemens Heselerhaus ở Đại học Gießen. Công trình đáng chú ý của Jauss thời kỳ này là: *Grundriss der romanischen Literaturen des Mittelalters* (Bảng lược đồ văn học La Mã thời trung cổ, 1962), *Nachahmung und Illusion* (Mô phỏng và ảo giác, 1964).

Năm 1966, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp của Jauss, khi ông được mời về Đại học Konstanz tham gia cải cách giảng dạy ngữ văn Romance, cùng bốn người từ các lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ khác nhau là Wolfgang Iser (English), Wolfgang Preisendanz (German), Manfred Fuhrmann (Latin) và Jurij Striedter (Slavic); từ đó hình thành một nhóm nghiên cứu nổi tiếng thế giới với tên gọi “Trường phái Konstanz” (Der Konstanz schule).

Năm 1967, Jauss đã trình bày bài diễn văn nhậm hàm giáo sư Konstanz, nhan đề: *Was heißt und zu welchem Ende studiert man Literaturgeschichte?* (Nghiên cứu văn học thế giới là gì và có ý nghĩa gì?). Bài diễn văn này chịu ảnh hưởng rõ rệt từ bài diễn văn nhậm chức của Friedrich Schiller phát biểu năm 1789 tại Đại học Jena với chức danh giáo sư sử học, nguyên đề tiếng Đức: *Was heißt und zu welchem Ende studiert man Universalgeschichte?* (Nghiên cứu lịch sử thế giới là gì và có ý nghĩa gì?). Jauss đã lấy lại nhan đề này, thay chữ “lịch sử” bằng chữ “văn học”. Mục đích của Jauss trong bài diễn văn này là kêu gọi đổi mới mô hình nghiên cứu văn học hiện đang xa rời lịch sử lâu nay; ông cho rằng chỉ có khôi phục mối quan hệ giữa cái quá khứ và cảm hứng của người hiện đại, thì lịch sử văn học mới không còn bị xem nhẹ. Để gây chú ý, sau đó Jauss đã đổi nhan đề bài *Was heißt und zu welchem Ende studiert man Literaturgeschichte?* thành *Literaturges-chichte als Provokation der Literaturwissen-schaft* (Lịch sử văn học như là sự thách thức khoa học văn học), công bố rộng rãi năm 1970.

Jauss giảng dạy tại Đại học Konstanz cho đến khi về hưu năm 1987, trong thời gian hai mươi năm đó, ông đã viết nhiều công trình nghiên cứu, tiêu biểu là *Die Klassische und die Christliche Rechtfertigung des Häßlichen in Mittelalterlicher Literatur* (Sự biện hộ cho cái xấu mang tính cổ điển và màu sắc Ki-tô giáo trong văn học

Trung cổ, 1968), *Paradigmenwechsel in der Literaturwissenschaft* (Sự thay đổi của mô hình nghiên cứu văn học, 1969), *Kleine Apologie der ästhetischen Erfahrung* (Lời xin lỗi nhỏ về kinh nghiệm thẩm mỹ, 1972), *Ästhetische Erfahrung und literarische Hermeneutik* (Kinh nghiệm thẩm mỹ và giải thích học văn học, 1977 và tu chỉnh năm 1982), *Alterität und Modernität der mittelalterlichen Literatur* (Tính cổ xưa và tính hiện đại trong văn học trung cổ, tập hợp các bài viết từ 1956 đến 1976, in năm 1977), *Apollinaire* (1986), *Die Theorie der Rezeption: Rückschau auf ihre unerkannte Vorgeschichte* (Lý thuyết tiếp nhận: Nhìn lại lịch sử khi chưa được công nhận, 1987). Cuối đời, Jauss có hai công trình quan trọng viết về sự thay đổi thẩm mỹ hiện đại (*Studien zum Epochenwandel der ästhetischen Moderne*, 1989) và phương thức lý giải (*Wege des Verstehens*, 1994).

Ngoài đại học Konstanz, từ 1967 đến 1987, Jauss được nhiều nơi mời thỉnh giảng, như các trường: Zurich, Berlin, New York, Yale, Paris, Leuven, Berkeley, Los Angeles, Princeton, Wisconsin - Madison. Ông cũng tham gia vào một số tổ chức khoa học khác như Viện Khoa học Heidelberg (từ 1980), Viện Hàn lâm Châu Âu (1988). Ngoài ra, Jauss còn viết hàng trăm bài khác, từ chuyên luận, tiểu luận nghiên cứu cho đến giới thiệu sách, trao đổi học thuật (viết riêng và viết chung với người khác). Năm 1997, ông qua đời tại Konstanz.

Trong số những tác phẩm của ông, *Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học* (xin viết tắt là *Lịch sử văn học*) và *Kinh nghiệm thẩm mỹ và giải thích học văn học* (xin viết tắt là *Kinh nghiệm thẩm mỹ*) được đánh giá là hai công trình tiêu biểu cho quan điểm, phương pháp của Jauss, đồng thời cũng thể hiện tương đối rõ nét sự phân chia thành hai chặng đường lý luận của ông.

2. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG LÝ THUYẾT TIẾP NHẬN

2.1. Người đọc làm nên lịch sử văn học

Lịch sử văn học (1967) đánh dấu sự đột phá, tiêu biểu cho lý luận thời kỳ đầu của Jauss. Những đề xuất về cách hiểu và viết văn học sử mới mẻ lấy người đọc làm nền tảng của Jauss đã thu hút sự quan tâm chú ý của học giả thế giới. *Lịch sử văn học* cũng được xem là cương lĩnh, bản tuyên ngôn đánh dấu sự ra đời chính thức của lý thuyết tiếp nhận trường phái Konstanz. Nội dung chính của *Lịch sử văn học* bao gồm bảy luận điểm cơ bản như sau (dẫn theo Jin, 2001: 10-15):

Thứ nhất, tác phẩm văn học không phải là một tồn tại khách quan độc lập bất biến theo thời gian, mà giá trị của nó chỉ thể hiện được nhờ vào độc giả trong các thời kỳ lịch sử khác nhau.

Thứ hai, bất kỳ độc giả nào trước khi tiếp xúc với một tác phẩm cụ thể đều có “tiền tri thức”, tức là vốn hiểu biết và cách lý giải có sẵn. Nếu không, bất kỳ cái mới mẻ nào cũng đều không

được tiếp nhận để trở thành kinh nghiệm, cũng như việc đọc sẽ không được tiến hành. Trạng thái “tiền tri thức” ấy chính là “tâm đón nhận” (cũng được dịch là “tâm đón đợi”); quá trình tiếp nhận văn học cũng là quá trình không ngừng xác lập, thay đổi, điều chỉnh, tái lập tâm đón nhận; ở đó tính chủ thể của người tiếp nhận không tùy tiện thoát ly khỏi sự hạn chế quy định của lịch sử và phải gắn với điều kiện tiền đề là văn bản.

Thứ ba, giữa tâm đón nhận của người tiếp nhận và tác phẩm mới thường có một khoảng cách, gọi là “khoảng cách thẩm mỹ”; tâm đón nhận của độc giả đầu tiên khi tác phẩm mới xuất hiện sẽ cung cấp một thước đo quyết định sự thay đổi giá trị thẩm mỹ của nó thông qua sự hài lòng, vượt lên, thất vọng hay là chống lại nó. Việc tiếp xúc với tác phẩm mới sẽ giúp cho người tiếp nhận thay đổi, phủ nhận “tâm” cũ, kinh nghiệm quen thuộc cũ của mình để đạt đến một tâm mới. Tính nghệ thuật của tác phẩm tùy thuộc vào “khoảng cách thẩm mỹ” ấy.

Thứ tư, nguyên nhân tạo nên sự khác biệt trong cách hiểu và lý giải cùng một tác phẩm do tâm đón nhận của độc giả và “nghĩa tiềm năng” của văn bản quy định. Tính lịch sử của tiếp nhận văn học thể hiện ở giao điểm của tính lịch đại và tính đồng đại.

Thứ năm, giữa tác phẩm mới và người tiếp nhận đầu tiên có một khoảng cách lớn, cần một quá trình tiếp nhận dài và ý nghĩa của tác phẩm cũng được xác định trong quá trình

lịch đại ấy. Điều này lý giải tại sao có những tác phẩm khi mới xuất hiện không được chú ý, nhưng sau đó lại được yêu thích và ngược lại.

Thứ sáu, bởi văn bản tác phẩm là một hệ thống ngữ pháp và cú pháp nên tự nó có tính ổn định tương đối, bên trong hệ thống đồng đại hiện tại của văn học bao hàm cả quá khứ và tương lai của nó. Khi tác phẩm văn học ra đời, đằng sau tính hiện tại luôn có tính lịch sử. Tâm văn học chỉ được lý giải vào lúc tính lịch đại gặp gỡ tính đồng đại ở một thời điểm lịch sử nào đó.

Thứ bảy, tác dụng của văn học được xây dựng dựa trên hiệu quả xã hội của tác phẩm; văn học của thời đại nào cũng không thể tách rời với liên hệ xã hội, chỉ khi tạo được ảnh hưởng đối với hành vi xã hội thì văn học mới thực hiện được tác dụng của nó. Chức năng đặc thù của văn học không giới hạn ở tác dụng tái hiện, nó chống lại những cấm kỵ đạo đức thâm căn cố đế, nó kêu gọi thay đổi những tập tục cũ, mở ra những chuẩn mực, con đường mới, giúp giải phóng con người khỏi những trói buộc từ tự nhiên, tôn giáo và xã hội.

Hai năm sau, 1969, Jauss viết tiếp bài *Paradigmenwechsel in der Literaturwissenschaft (Sự thay đổi của mô hình nghiên cứu văn học)* củng cố thêm lý luận mới của mình. Trong bài viết này, ông dự đoán rằng sẽ có “một cuộc cách mạng” trong nghiên cứu văn học sắp diễn ra. Jauss chỉ ra 3 mô hình nghiên cứu văn học trong lịch sử

cùng những bất cập của chúng: (1) Chủ nghĩa Cổ điển - Chủ nghĩa Nhân văn, trong đó những tác phẩm được xếp hạng xuất sắc là những tác phẩm mô phỏng thành công các tác phẩm cổ điển, được nhiều người yêu thích, còn những tác phẩm không tuân thủ những chuẩn mực truyền thống thì bị phê phán, ghê lạnh. Nhiệm vụ của phê bình văn học thời kỳ này là căn cứ vào những tiêu chuẩn đã có để đánh giá tác phẩm xem nó có phù hợp với các tiêu chuẩn cũ ấy hay không; (2) Đến thế kỷ XVIII-XIX, mô hình trên được thay bằng Chủ nghĩa Lịch sử - Chủ nghĩa Thực chứng chìm ngập vào tài liệu văn bản và tiểu sử tác giả; (3) Đến chiến tranh thế giới thứ nhất thì mô hình trên bị Chủ nghĩa Hình thức thay thế. Chủ nghĩa Hình thức có nhiều trường phái: Chủ nghĩa Hình thức Nga, Phê bình mới, Chủ nghĩa Cấu trúc với nhiều quan điểm và phương pháp khác nhau, nhưng đều có một điểm chung quan trọng là chuyển hướng từ nghiên cứu lịch sử và giải thích nhân - quả sang tập trung vào nghiên cứu bản thân tác phẩm. Người ta đã miêu tả một cách tỉ mỉ kết cấu, bố cục, ngôn ngữ, biến chúng thành công cụ giải thích. Đồng thời phương pháp này nâng tác phẩm văn học lên thành khách thể tự trị, tập trung sự chú ý vào nghiên cứu bản thân văn học.

Trên đây là những nội dung và quan điểm cơ bản của Jauss về lịch sử văn học, nhưng mục tiêu cao xa hơn của ông không phải là nêu lên những bất

cập về cách hiểu và viết văn học sử cũ, hay tình trạng khủng hoảng trong lý luận, nghiên cứu văn học đương thời, mà chỉ xem chúng là cơ sở để tiến đến xây dựng một mô hình, phương pháp văn học mới theo tinh thần chú ý nhiều hơn đến vai trò của độc giả.

Theo ông, tính lịch sử của văn học không phải được quyết định bởi sự sắp xếp các sự thực văn học đối với “quá khứ thần thánh”, mà được quyết định bởi kinh nghiệm vốn có của độc giả đối với tác phẩm văn học. Nghĩa là, Jauss dựa vào tầm đón nhận của độc giả và sự thay đổi khái niệm này để miêu tả lịch sử văn học theo lịch sử tiếp nhận. Tại đây, khái niệm “tầm đón nhận” đã được Jauss dẫn dụng và thông qua khái niệm này nối kết tác giả, tác phẩm và độc giả lại với nhau, đồng thời nối kết diễn biến của văn học với diễn tiến xã hội.

“Tầm đón nhận” (tiếng Đức: Erwartungshorizont, tiếng Anh: horizon of expectations, tiếng Trung Quốc: kỳ đãi thị dã/期待视野) là khái niệm trung tâm hay phạm trù quan trọng nhất trong lý luận tiếp nhận thời kỳ đầu của Jauss. Chính ông gọi “Erwartungshorizont” là “đòn nóc phương pháp luận” của mình. “Tầm” (horizont) nguyên là một thuật ngữ thường bắt gặp trong triết học Đức. Với giải thích học, “Horizont” được dùng để miêu tả quá trình hình thành cách hiểu, có hàm nghĩa rộng lớn, hình ảnh “đường chân trời” mà nó thể hiện ám chỉ góc nhìn hoặc tầm khởi

điểm và đồng thời là viễn cảnh của cách hiểu cũng như bối cảnh lịch sử và truyền thống văn hóa của góc nhìn ấy. Tất cả tạo thành điều kiện tất yếu của việc hiểu và lý giải, Heidegger (1889-1976) gọi là cái “có trước” (Vorhabe: tiên hữu), “thấy trước” (Vorsicht: tiên kiến), “biết trước” (Vorgriffe: tiên thức) và chúng tạo thành tồn tại của con người trong lịch sử (Jin, 2001: 121). Gadamer và Husserl (1859-1938) cũng có cách hiểu tương tự như vậy (Holub, 1987: 340). Sự kết hợp giữa “tầm” và “đón đợi” cũng không phải do Jauss độc sáng, mà đã được triết gia Karl Popper (1902-1994) và nhà xã hội học Karl Mannheim (1893-1947) sử dụng trước. Trong công trình *Art and Illusion* (1960, *Nghệ thuật và ảo giác*), E.H. Gombrich chịu ảnh hưởng từ Popper đã định nghĩa “tầm đón nhận” là một loại “tư duy định hướng, ghi lại độ lệch và sự thay đổi với sự nhạy cảm quá mức” (Holub, 1987: 341). Như vậy có thể thấy, khái niệm “tầm” và “tầm đón nhận” trước Jauss có phạm vi sử dụng rất rộng, từ lý luận hiện tượng học đến lịch sử nghệ thuật. Đến Jauss, tầm đón nhận được đưa vào giải thích văn học, thành “tầm đón nhận văn học” (literarische Erwartungshorizont), nó được hiểu “là một tổ chất, một sự chuẩn bị sẵn của người đọc khi tiếp nhận một văn bản, là sự hiểu biết có sẵn (Vorwissen) mà trên cái nền của nó tác phẩm mới sẽ xuất hiện” (Huỳnh Vân, 2009). “Sự hiểu biết có sẵn” này được hiểu như

là tất cả những yếu tố liên quan đến kinh nghiệm sống, hiểu biết nghệ thuật và tư tưởng xã hội đã có trước khi độc giả tiếp xúc với tác phẩm, và ý thức của anh ta không phải là một tờ giấy trắng, mà đã có sẵn trong đó một khuynh hướng, yêu cầu, tiêu chuẩn thẩm mỹ nào đấy (Zhang, 1989: 34). Cũng có thể hiểu “Tầm đón nhận” “như là hệ thống những chuẩn mực và hệ quy chiếu của công chúng văn học vào một thời điểm lịch sử nhất định, xuất phát từ đó mà việc đọc, thẩm bình và đánh giá một tác phẩm được tiến hành” (Huỳnh Như Phương, 2014: 200). Tại đây chúng ta thấy được sự kế thừa của Jauss trong việc sử dụng khái niệm “Tầm” và “Tầm đón nhận” trong lịch sử, nhưng điều quan trọng cũng như đóng góp mới của Jauss nằm ở chỗ ông đã sử dụng khái niệm này vào việc lý giải diễn tiến trong tiếp nhận của người đọc và rộng lớn hơn là diễn tiến của lịch sử văn học. Khái niệm này không những giúp Jauss thấy rõ được bản chất của sự “đổi lập”, “hố sâu ngăn cách”, tính cực đoan giữa hai mô hình nghiên cứu văn học thời ông là Chủ nghĩa Marx và Chủ nghĩa Hình thức, nhận thức rõ được bất cập của chúng, mà quan trọng hơn là giúp ông thu nhận các nhân tố hợp lý của chúng để kiến tạo “được một thứ lý luận văn học, một “Mỹ học tiếp nhận”, mà “theo Jauss sẽ tránh được chủ nghĩa khách quan lịch sử và làm cơ sở cho cả mỹ học sản xuất lẫn mỹ học miêu tả bằng cách đặt người đọc, người tiếp nhận chứ không phải

tác giả và tác phẩm vào trung tâm của sự chú ý” (Huỳnh Vân, 2009).

2.2. Kinh nghiệm thẩm mỹ là vấn đề trung tâm trong nghiên cứu lịch sử tiếp nhận

Thời kỳ thứ hai trong lý luận tiếp nhận của Jauss được tính từ năm 1979 – khi công trình *Kinh nghiệm thẩm mỹ* ra đời, đây không phải là sự chuyển hướng mang tính đứt đoạn trong nghiên cứu mỹ học tiếp nhận của Jauss, mà thực tế là sự tiếp nối và đào sâu hơn lý thuyết tiếp nhận ở thời kỳ trước.

Trong *Kinh nghiệm thẩm mỹ*, chính Jauss đã thừa nhận những tác phẩm lý luận có ảnh hưởng trực tiếp đối với lý luận thời kỳ sau ông là *Wahrheit und Methode* (1960, *Sự thật và phương pháp*) của Gadamer và *Ästhetische Theorie* (1970, *Lý luận thẩm mỹ*) của Adorno (1903-1969) (Jauss, 1997: 12). Ngoài ra, sự xuất hiện của tác phẩm *Der Akt des Lesens (Hành động đọc)* cùng lý luận về hiệu quả thẩm mỹ của Iser năm 1976 không những bổ sung cho mỹ học tiếp nhận của Jauss, mà còn góp phần thúc đẩy sự thay đổi đường hướng nghiên cứu của Jauss, như ông viết: “Lý luận hiệu quả thẩm mỹ [của Iser] cho thấy quá trình đọc của độc giả đã tạo nên ý nghĩa, miêu tả tiểu thuyết như là kết cấu giao lưu” (Jauss, 1997: 12).

Trong lời tựa công trình *Kinh nghiệm thẩm mỹ*, Jauss xác định rõ đối tượng và mục tiêu của mình qua 3 câu hỏi nghiên cứu căn bản: (1) Kinh nghiệm

thẩm mỹ là gì?; (2) Trong lịch sử nghệ thuật, kinh nghiệm thẩm mỹ đã biểu lộ bản thân nó như thế nào?; (3) Đối với lý luận nghệ thuật hiện nay, kinh nghiệm thẩm mỹ có ý nghĩa gì? Bởi Jauss cho rằng, đây là những vấn đề quan trọng, nhưng trong một thời gian rất dài chúng không được lý luận mỹ học và giải thích học văn học xem trọng, người ta chỉ quan tâm đến mối quan hệ giữa mô phỏng và sáng tạo, cấu trúc và ý nghĩa, hình thức và nội dung, chân và mỹ, nghệ thuật và tự nhiên. “Trong thế giới sinh hoạt hằng ngày, nghệ thuật có nhiều tác dụng, nhưng người ta chỉ quan tâm đến hiệu quả từ sản xuất (sáng tạo), rất ít nói đến hiệu quả từ tiếp nhận và hầu như không nhắc đến hiệu quả giao lưu và kinh nghiệm thẩm mỹ” (Jauss, 1997: 2-3). Vì thế, theo Jauss cần phải đánh giá, nghiên cứu lại những vấn đề kể trên một cách đầy đủ thấu đáo hơn.

Thực ra khái niệm “Kinh nghiệm thẩm mỹ” đã được Jauss nhắc đến khá nhiều lần trong *Lịch sử văn học*. Ví dụ: “Vị trí của một lịch sử văn học đặt cơ sở ở mỹ học tiếp nhận sẽ phụ thuộc vào chỗ là nó có khả năng tham dự tích cực đến mức độ nào vào việc tổng thể hóa đang tiếp diễn của quá khứ thông qua *kinh nghiệm thẩm mỹ*”, “Quá trình tâm lý của sự tiếp nhận một văn bản trong tầm đầu tiên của *kinh nghiệm thẩm mỹ* hoàn toàn không phải là kết quả độc đoán của những ấn tượng chủ quan mà là thực hiện những chỉ dẫn nhất định trong quá trình thụ cảm có hướng dẫn”; và ít

nhất có 3 lần khác ông nhắc đến khái niệm này gắn với “khoảng cách thẩm mỹ”, “sự thay đổi tầm” (bản dịch của Huỳnh Vân, 2009).

Ở câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: “Kinh nghiệm thẩm mỹ là gì?”, Jauss không đưa ra một câu trả lời ngắn gọn rõ ràng bằng một định nghĩa, mà dành hẳn chương đầu để diễn giải khái niệm này. Chúng ta cũng thấy cách làm này đối với trường hợp khái niệm “Tâm đón nhận” trước đó của Jauss, cũng như các khái niệm then chốt trong lý luận của Iser (“Kết cấu vẫy gọi”, “Độc giả hàm ẩn”, “Hư cấu”, “Trường tượng”). Có lẽ cả Jauss và Iser đều hiểu được mặt trái của việc cố gắng bao quát vấn đề bằng một định nghĩa, nên hai ông chủ trương thay vào đó bằng nỗ lực diễn giải. Vì thế, chúng ta chỉ có thể tìm thấy những định nghĩa liên quan đến lý thuyết tiếp nhận trường phái Konstanz từ các nhà nghiên cứu khác, như là cách “cụ thể hóa” “văn bản” của Jauss và Iser.

Một nguyên nhân quan trọng khiến Jauss tập trung vào nghiên cứu kinh nghiệm thẩm mỹ, là do sự ra đời và phổ biến công trình *Ästhetische Theorie* (Lý luận thẩm mỹ, 1970) của Adorno. Theo Jauss, mỹ học phủ định của Adorno xa rời đời sống khi cho rằng nghệ thuật chỉ có tác dụng rõ ràng khi phủ định xã hội mà nó sinh ra, như thế là vừa phủ định xã hội hiện thực và vừa phủ định mối quan hệ giữa nghệ thuật với hiện thực. Jauss cho biết, khái niệm “Genuss” trong

tiếng Đức mang hai hàm nghĩa, thứ nhất chỉ “khoái lạc” hoặc “hưởng thụ” - nghĩa này phổ biến nhất, thứ hai chỉ cái “hữu dụng” hoặc “hữu ích”. Thế mà trong một thời gian dài, người ta gắn liền “Genuss” với chủ nghĩa hưởng lạc tầm thường, thậm chí đẩy nó ra ngoài cánh cửa nghệ thuật, kẻ nào nhắc đến “khoái lạc” sẽ bị chụp cho cái mũ “dung tục”. Jauss cho rằng không thể xem hưởng lạc chỉ như công cụ của giai cấp trên, cũng không thể xem nó là thứ đối lập với tác phẩm nghệ thuật, mà bao gồm hai nhân tố. Nhân tố thứ nhất thích dụng cho tất cả các loại khoái lạc nói chung, nhân tố thứ hai chỉ giới hạn trong khoái lạc thẩm mỹ - tức là có lựa chọn, lựa chọn tạo ra khoảng cách thẩm mỹ giữa chủ thể và đối tượng. Theo Jauss, khoảng cách thẩm mỹ cũng là một hoạt động sáng tạo của ý thức, vì con người tạo ra đối tượng tưởng tượng trong khi quan sát, từ trải nghiệm/kinh nghiệm đó sinh ra khoái cảm thẩm mỹ.

Từ diễn giải của Jauss, chúng ta có thể nói rằng, “Kinh nghiệm thẩm mỹ” là trải nghiệm sinh ra từ sự tác động qua lại giữa chủ thể với đối tượng, nhưng cách hiểu này mang tính phổ biến, không phải phát hiện của Jauss. Điều mà Jauss muốn nhấn mạnh trong *Kinh nghiệm thẩm mỹ* là tính lịch sử và mối quan hệ giữa các yếu tố của nó – điều mà các nghiên cứu trước chưa chú ý hoặc nhìn nhận sai lầm. Jauss đưa ra ba khái niệm cơ bản, độc lập, nhưng thống nhất trong

Kinh nghiệm thẩm mỹ là: *Poiesis*, *Aesthesis*, *Catharsis* tương ứng với ba giai đoạn của kinh nghiệm thẩm mỹ là: sản xuất, tiếp nhận và giao lưu.

Poiesis thuộc về phương diện sáng tạo của kinh nghiệm thẩm mỹ, nói về khoái cảm con người đạt được khi phát huy năng lực sáng tạo của bản thân. *Poiesis* gốc Latin, nguyên nghĩa chỉ “thơ” trong tiếng Hy Lạp, nghĩa gốc là “chế tạo”, đến Aristotle, *poiesis* có nghĩa là hoạt động sản xuất thực tiễn, sang thời Văn nghệ phục hưng nó lại có nghĩa là hoạt động nghệ thuật thuần túy. Jauss chú trọng đến những chuyển biến mang tính lịch sử của sự sáng tạo từ thời cận đại đến thời của ông, đặc biệt là nghệ thuật tiên phong và những trào lưu sáng tạo có tính chất biến đổi thay thế ở thế kỷ XX. Theo Jauss, sáng tạo là một quá trình và thông qua quá trình tiếp nhận, người đọc cũng trở thành người tham gia sáng tạo vào tác phẩm.

Aesthesis chú trọng đến phương diện tiếp nhận của hoạt động thẩm mỹ, có thể gọi nó là “cảm giác thẩm mỹ” hay “mỹ cảm”. Với Aristotle (384-322), *aesthesis* được xem là khoái cảm thẩm mỹ của thị giác có tính nhận thức và nhận thức có tính thị giác; với Baumgarten (1714-1762), hàm nghĩa cơ bản của *aesthesis* là tình cảm và tri giác cảm tính. Đến Jauss, *aesthesis* được hiểu như là “tính khả thị thuần túy” trong kinh nghiệm thẩm mỹ, tức là nhận thức cảm tính trực quan được chú ý tìm hiểu và nhận thức đã được khái niệm hóa bị chất vấn.

Jauss đặc biệt quan tâm đến việc nhận thức, tổng kết hiện tượng phủ định văn hóa đọc truyền thống và những phương thức mới được đưa ra để tiếp nhận nghệ thuật đương đại, đặc biệt là những mâu thuẫn xung đột giữa cách đọc cách hiểu cũ thuộc về số ít người và cách đọc cách hiểu mới thuộc về đại chúng. Trong điều kiện hiện tại, với sự xuất hiện những công nghệ và kỹ thuật mới, kinh nghiệm thẩm mỹ mới cũng hình thành với một đặc điểm là đi liền với mâu thuẫn tâm lý giữa truyền thống và hiện đại, sự đối lập giữa nghệ thuật tiêu dùng đại chúng với nghệ thuật cao nhã. Từ những quan sát và chiêm nghiệm về tính lịch sử của những xung đột, mâu thuẫn về kinh nghiệm thẩm mỹ cũng như mỹ cảm giữa truyền thống và hiện đại, thiểu số và đa số như thế, Jauss đã cố gắng bắc một cây cầu kết nối hai cực đối lập kể trên để thấy được mối quan hệ biện chứng và lịch sử của chúng, đồng thời chỉ ra tính biến đổi liên tục của mỹ cảm trong dòng thời gian.

Catharsis (thanh tẩy) được hiểu như là trải nghiệm thẩm mỹ có tính giao lưu giữa nghệ thuật và người tiếp nhận. Jauss tổng hợp cách hiểu của Aristotle, Auguste (1798-1857), từ đó đưa ra cách hiểu của mình, rằng *catharsis* có nghĩa là một loại tình cảm được gọi ra hoặc được giải phóng bởi độc giả hoặc khán giả khi thưởng thức nghệ thuật như thơ ca, sân khấu. Nhưng khán giả hay độc giả ở đây không phải là những người tiếp nhận thụ động, mà là những người tham gia

tích cực, tức là có sự giao lưu. Vấn đề quan trọng khác mà Jauss muốn nhấn mạnh, là thái độ thẩm mỹ của người tiếp nhận trong giao lưu tiếp xúc với tác phẩm nghệ thuật. Chúng ta sẽ thấy rõ quan điểm của Jauss về vấn đề này hơn thông qua mô hình giao lưu giữa nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật và độc giả mà chúng tôi giới thiệu dưới đây...

2.3. Giải thích học văn học

Trong thời kỳ cuối trên con đường lý luận của mình, Jauss quay về với cơ sở lý luận quan trọng nhất mà ông từng lấy làm điểm xuất phát là giải thích học và phát triển khuynh hướng giải thích học văn học. Như ông từng tuyên bố: “Nhiệm vụ hiện nay của chúng ta, là xây dựng Giải thích học văn học và phát triển phương pháp luận của nó” (Jin, 2001: 136). Giải thích học theo Gadamer có ba phạm trù cơ bản: “understanding” (hiểu biết), “interpretation” (giải thích) và “application” (ứng dụng), Jauss kế thừa quan điểm của Gadamer, chia hoạt động giải thích văn học làm ba giai đoạn như một “thử nghiệm giải thích học” (Jauss, 1987: 176) của ông. Thử nghiệm và đề xuất lý luận của Jauss dựa trên việc miêu tả từ góc độ hiện tượng học lịch sử tiếp nhận cụ thể đối với quá trình giải thích văn bản bài thơ *Spleen II* (trong tập *Les Fleurs du Mal - Hoa ác*) của Baudelaire (1821-1867). Ba giai đoạn của giải thích học văn học hay kinh nghiệm đọc theo Jauss là: Tầm hiểu biết, Tầm phản tư và Tầm lịch sử.

Trong đó, giai đoạn thứ nhất hay kinh nghiệm đọc sơ cấp được Jauss xác định “là giai đoạn lý giải trực tiếp trong phạm vi cảm giác thẩm mỹ”, còn “giai đoạn giải thích phản tư là giai đoạn đọc cấp hai dựa trên giai đoạn sơ cấp” (Jauss, 1987: 178). Nói cách khác “kinh nghiệm đọc sơ cấp trở thành tầm cho việc đọc ở cấp thứ hai” và “giải thích trở thành cơ sở cho ứng dụng” (Jauss, 1987: 180). Jauss miêu tả sự thay đổi tầm đọc ở cấp thứ nhất (sơ cấp) và cấp thứ hai như sau: Trong quá trình đọc bám sát từng chữ từng câu, độc giả đảm nhiệm vai trò là “hạt nhân” của văn bản, lúc này anh ta nhận thức được hình thức hoàn chỉnh của tác phẩm, nhưng chưa thể nhận thức được ý nghĩa hoàn chỉnh của tác phẩm. Đến đây, Jauss phê phán tiền đề của giải thích học cho rằng ý nghĩa của tác phẩm là thứ cố định và có tính phi thời gian, theo ông vấn đề này cần được hiểu ngược lại mới hợp lý, nghĩa là ý nghĩa của tác phẩm là thứ ở trạng thái chờ hiện thực hóa theo thời gian. Giai đoạn thứ ba của kinh nghiệm đọc gắn với giải thích triết học, đề cập đến sự giải thích tác phẩm dựa trên tiền đề ra đời và lịch sử của tác phẩm. Jauss cũng phê phán quan điểm “ý nghĩa khách quan” thuần túy trong văn bản của giải thích học cũ, đồng thời đề xuất một phương thức khác để quan sát sự diễn biến, thay đổi của văn bản, đó là dựa trên sự phân biệt giữa văn bản hiện thời với văn bản quá khứ (Jauss, 1987: 183).

Những đề xuất thử nghiệm kể trên của Jauss rút ra từ việc nghiên cứu đặc điểm thẩm mỹ trong văn bản thơ ca truyền thống phương Tây và ông lưu ý rằng phương pháp giải thích này “chỉ có tác dụng gợi ý” trong việc lý giải văn bản thuộc những nền văn hóa khác (Jauss, 1987: 186).

Jauss cũng từng nhấn mạnh điểm khác biệt trong lý luận giải thích của mỹ học tiếp nhận so với lý luận giải thích trong các lĩnh vực khác. Đó là, mỹ học tiếp nhận “yêu cầu người giải thích thừa nhận sự hữu hạn về tầm nhìn của mình do chỗ đứng lịch sử quy định, nhưng đồng thời phải nỗ lực hạn chế quan điểm chủ quan của mình” (Jauss, 1989: 197). Jauss cũng khẳng định ý nghĩa và đặc thù của việc nghiên cứu giải thích văn học hiện thời không những “tạo nên sự đối thoại giữa hiện tại và quá khứ, đưa những giải thích mới vào tiến trình lịch sử của việc cụ thể hóa ý nghĩa tác phẩm”, mà cần phải “phát triển một kiểu giải thích học văn học mới theo mô hình của thần học và luật học, biết xem trọng cả ba hoạt động tạo nên sự hiểu biết là hiểu, giải thích và ứng dụng” (Jauss, 1989: 197).

2.4. Lịch sử văn học là quá trình giao lưu

Các nhà Konstanz không phát triển trường phái của mình bằng cách cố gắng đóng kín hay tuyệt đối hóa lý luận của mình, mà chủ trương mở rộng thu nhận, bổ sung, điều chỉnh liên tục để không bị lạc hậu về mặt phương pháp. Như Jauss tuyên bố:

“Nó không từ chối bất kỳ sự bổ sung nào, hơn thế còn dựa vào việc phối hợp với các nguyên tắc khác” (Jin, 2001: 55).

Ngoài khuynh hướng quan tâm đến kinh nghiệm thẩm mỹ, giải thích học văn học, trong giai đoạn sau của hành trình nghiên cứu, Jauss còn đặc biệt chú ý đến nghiên cứu tiếp nhận theo khuynh hướng giao lưu. Năm 1980, Jauss công bố tiểu luận *Mỹ học tiếp nhận và giao lưu văn học*, đoạn mở đầu nói rõ sự chuyển hướng này: “Mỹ học tiếp nhận trường phái Konstanz từ khi ra đời năm 1966 đến nay dần dần chuyển hóa thành lý luận giao lưu văn học” (Jauss, 1989: 194). Dù tuyên bố thay đổi hay chuyển hướng như thế, Jauss vẫn xác định đối tượng nghiên cứu trọng tâm của ông là “lịch sử văn học”. Chỉ có điều nếu như ở giai đoạn trước, Jauss dốc sức vào khâu tiếp nhận của độc giả, xem văn học sử là lịch sử văn học của người đọc, lấy người đọc làm trung tâm, thì ở giai đoạn sau ông lại tuyên bố: “Văn học sử là quá trình bao gồm cả ba yếu tố: tác giả, tác phẩm và công chúng”, “hay nói cách khác là quá trình vận động biện chứng giữa sáng tác và tiếp nhận thông qua trung gian giao lưu văn học” (Jauss, 1989: 194).

Như vậy, giao lưu theo Jauss là một khâu thuộc về môi giới nhưng có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối giữa khâu sáng tác và khâu tiếp nhận, tạo nên sự vận hành cho lịch sử văn học. Jauss cũng chỉ rõ nghĩa giao lưu vốn sẵn có trong khái niệm “rezeption”

(tiếp nhận), cùng với nghĩa “tiếp nhận” (hoặc “thích ứng”) (Jauss, 1989: 194). Còn khái niệm “Ästhetik” (mỹ học) ở đây theo Jauss cũng không còn có nghĩa là khoa học về cái đẹp, không còn chuyên chú vào vấn đề bản chất của nghệ thuật quá khứ nữa, mà quan tâm đến việc lý giải nghệ thuật thông qua cơ sở những nghiên cứu về kinh nghiệm, thực tiễn mỹ học (tức lịch sử hoạt động sáng tác, tiếp nhận và giao lưu), biểu hiện nghệ thuật – những vấn đề đã bị chúng ta xem nhẹ trong một thời gian dài (Jauss, 1989: 194-195).

Và không phải đến năm 1980 Jauss mới quan tâm đến giao lưu văn học, mà trước đó vào năm 1977, Jauss đã công bố tác phẩm *Kinh nghiệm giao lưu và phương pháp luận văn học* nói về lịch sử thực tiễn của mỹ học sáng tạo trong ba hoạt động căn bản: sáng tạo, tiếp nhận và giao lưu. Jauss cho rằng, trong nghiên cứu tiếp nhận

đương đại, giao lưu phải được xem là một “vấn đề”, “là nhiệm vụ cần kíp”, bởi từ giao lưu chúng ta có thể tìm thấy cơ hội cho việc cải cách phương pháp của giải thích học và phương pháp của chủ nghĩa cấu trúc. Giao lưu được Jauss xem là tính chất chung của các khuynh hướng, mô hình nghiên cứu mới, bởi “không có tính chung thì không có khoa học”, “không có giao lưu thì khoa học không sáng tỏ” (Jauss, 1989: 212).

Trong *Kinh nghiệm thẩm mỹ* (công bố lần đầu năm 1979 và hoàn thiện năm 1982), Jauss đã dựa vào loại hình học về nhân vật anh hùng của Frye trong công trình *Anatomy of Criticism (Giải phẫu phê bình, 1957)* để xây dựng mô hình kết cấu giao lưu trong tiếp nhận văn học gồm 5 lớp: kết hợp (associative), ngưỡng mộ (admiring), đồng cảm (sympathetic), thanh tẩy (cathartic), châm biếm (ironic).

Bảng 1. Mô hình giao lưu được Jauss sơ đồ hóa

Phương thức nhận biết Modality of Identification	Hệ tham chiếu Reference	Khuynh hướng tiếp nhận Receptive Disposition	Kiểu hành vi hoặc thái độ Norms of Behavior or Attitude (+ = khẳng định) (+ = progressive) (- = phủ định) (- = regressive)
Kết hợp associative	Trò chơi/cạnh tranh (nghi thức) game/ competition (celebration)	Đặt mình vào vai trò của tất cả những vai khác placing oneself into roles of all other participants	+ niềm vui của sự tồn tại tự do (xã hội thuần khiết) + pleasure of free existence (pure sociability) - cho phép vượt qua (trở về với các nghi thức cổ xưa) permitted excess (regression into archaic rituals)

Ngưỡng mộ admiring	Nhân vật chính hoàn hảo (thần thánh, kẻ khôn ngoan) the perfect hero (saint, sage)	Khâm phục admiration	+ mô phỏng + aemulatio (emulation) - bắt chước - imitatio (imitation) + mẫu mực + exemplariness - giáo huấn/giải trí bằng những điều đặc biệt (nhu cầu giải thoát) - edification/entertainment by the extraordinary (need for escape)
Đồng cảm sympathetic	Nhân vật chính không hoàn hảo the imperfect hero	Lòng trắc ẩn compassion	+ quan tâm đạo đức (sẵn sàng hành động) + moral interest (readiness to act) - thương cảm (thường thức nỗi đau) - sentimentality (enjoyment of pain) + đoàn kết vì hành động đặc thù + solidarity for specific action - nhận thức tự ngã (an tĩnh) - self-confirmation (tranquilization)
Thanh tẩy cathartic	Nhân vật chính bất hạnh the suffering hero nhân vật chính bị áp chế the beset hero	Giải phóng tình cảm bi kịch tragic emotion/ liberation of heart and mind tiếng cười thông cảm/sự giải thoát vui vẻ trong tâm hồn sympathetic laughter/ comic relief for heart and mind	+ niềm vui vô tư/phản ứng tự do + disinterested interest/ free reflection - mê luyến (ma thuật) - fascination (bewitchment) + phán xét đạo đức tự do + free moral judgment - trào tiếu (nghi thức cười) mocking laughter (ritual of laughter)
Châm biếm ironic	Nhân vật chính biến mất hoặc phản anh hùng the vanished or anti-hero	Xa lánh (khơi gợi) alienation (provocation)	+ sức sáng tạo có ảnh hưởng + responding creativity - thuyết duy ngã - solipsism + nhận thức tinh lọc + refinement of perception - sự buồn chán có giáo dục - cultivated boredom + phản ánh phê bình + critical reflection

			- không quan tâm - indifference
--	--	--	------------------------------------

Nguồn: Jauss, 2007: 159.

Bảng 1 là bảng loại hình nhận biết tác động qua lại giữa nhân vật chính (hero) và độc giả (người tiếp nhận), tức mô hình giao lưu được Jauss sơ đồ hóa. Nguyên văn bằng tiếng Đức, chúng tôi tạm dịch từ bản dịch tiếng Anh (Jauss, 2007: 159) có đối chiếu với bản dịch tiếng Trung (Jauss, 1997: 280).

Bản thân Jauss tự nhận thấy mô hình giao lưu năm lớp này còn thiếu điểm tựa về phương diện lý luận cảm xúc, vì vậy ông đã phát triển và hoàn thiện bằng cách chú ý nghiên cứu mặt tâm lý trong kinh nghiệm thẩm mỹ. Jauss cũng chỉ ra rằng mô hình ông đề xuất kể trên không phải là duy nhất, mà có thể bổ sung qua lại cho mô hình khác, nếu không như thế sẽ gây khó khăn trong ứng dụng vào nghiên cứu mỹ học tiếp nhận (Jin, 2001: 146).

Mô hình giao lưu của Jauss là kết quả từ những khái quát tổng kết lịch sử tiếp nhận, nó cung cấp cho chúng ta một khung lý thuyết nghiên cứu mối quan hệ giữa độc giả và tác phẩm. Lý luận này đem mối quan hệ ấy đặt vào hoạt động giải thích văn học cụ thể, từ đó cho thấy những bình diện sâu sắc khác trong mỹ học tiếp nhận và giải thích học văn học thông qua thao tác đối lập hóa quan hệ biện chứng giữa nhân vật trong tác phẩm với chủ thể tiếp nhận và phân loại kết quả quá trình giao lưu (Jin, 2001: 147).

Và nếu như ở giai đoạn đầu, Jauss cho rằng lịch sử văn học là quá trình tiếp nhận, thì ở giai đoạn sau, ông tuyên bố cần phải xem “lịch sử văn học như một quá trình giao lưu” (Jauss, 1989: 205). Điều quan trọng về mặt quan điểm ở đây là phải chú ý đến quan hệ biện chứng của các yếu tố liên quan và mặt tích cực của người tiếp nhận, trong đó bao gồm cả việc thừa nhận rằng bất kỳ một hành vi tiếp nhận nào cũng có tiền đề là một lựa chọn nào đó từ truyền thống. Mà một truyền thống văn học tất nhiên được hình thành trong quá trình mâu thuẫn giữa các yếu tố ở trạng thái đối lập: thích ứng – từ chối, bảo thủ - tiến bộ. (Jauss, 1989: 205). Nghĩa là Jauss cho rằng văn học truyền thống chỉ trở thành đối tượng nghiên cứu khi chúng ta thừa nhận “tính khuynh hướng của quan điểm”, thừa nhận việc “tuyển chọn liên tục là điều kiện của giao lưu văn học” (Jauss, 1989: 208).

3. KẾT LUẬN

Sự thay đổi cũng như hoàn thiện hoá lý luận của Jauss là do một phần quan trọng trong bản thân ông không ngừng tự điều chỉnh và đổi mới thông qua việc tiếp thu những thành tựu mới của các trường phái khác. Phần khác cũng không kém quan trọng là bởi Jauss biết lắng nghe ý kiến phê bình đóng góp, thậm chí là phủ nhận từ các nhà nghiên cứu khác đương thời như

Manfred Naumann, Robert Weiman, Klaus Traeger ở Đông Đức; S. Fish, C.R. Holub, R. Wellek ở Mỹ,... Thậm chí Hans-Georg Gadamer với tư cách là thầy của Jauss cũng từng lên tiếng chỉ trích gay gắt quan điểm và phương pháp của Jauss, buộc ông phải lên tiếng biện minh, rằng ông có

cách hiểu và vận dụng giải thích học khác với con đường của thầy. Jauss và trường phái tiếp nhận Konstanz mà ông khai sinh đã tìm được vị trí quan trọng trong lịch sử văn học, bằng những phát hiện, đóng góp mới mẻ, to lớn ở phương diện lý luận và phương pháp nghiên cứu văn học. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Holub, Robert C. 1987. *Reception Theory*. Zhou Ning 周宁 và Jin Yuanpu 金元浦 dịch. Trung Quốc: Nxb. Nhân dân Liêu Ninh 辽宁人民出版社.
2. Huỳnh Như Phương. 2014. *Lý luận văn học* (nhập môn). TP HCM: Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
3. Huỳnh Vân. 2009. “Vấn đề Tầm đón đợi và xác định tính nghệ thuật trong mỹ học tiếp nhận của Hans Robert Jauss”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 3. <http://phebinhvannhoc.com.vn>, truy cập ngày 11/3/2018.
4. Jauss, Hans Robert. 1987. *Toward an Aesthetic of Reception*. Zhou Ning 周宁 và Jin Yuanpu 金元浦 dịch. Trung Quốc: Nxb. Nhân dân Liêu Ninh 辽宁人民出版社.
5. Jauss, Hans Robert. 1997. *Aesthetic Experience and Literary Hermeneutics*. Gu Jianguang 顾建光, Gu Jingyu 顾静宇, Zhang Luotian 张乐天 dịch. Trung Quốc: Nxb. Dịch văn Thượng Hải 上海译文出版社 //.
6. Jauss, Hans Robert. 2007. *Toward an Aesthetic of Reception*. Translation from the German by Tomothy Bahti. Introduction by Paul de Man. Minneapolis: University of Minnesota Press. *Theory and History of Literature*, v. 2, ©1982.
7. Jin Yuanpu 金元浦. 2001. *Tiếp thụ phản ứng văn luận* 接受反应文论. Trung Quốc: Nxb. Giáo dục Sơn Đông 山东教育出版社//...
8. Zhang Tingshen (chủ biên) 張廷琛主编. 1989. *Lý luận tiếp nhận*. // 接受理論. Nxb. Trung Quốc: Văn nghệ Tứ Xuyên 四川文藝出版社.